

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đứng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đứng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **HUỲNH THẾ NGUYỄN**
2. Ngày tháng năm sinh: 12/03/1978; ☒ Nam; ☐ Nữ; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): E2, Cư xá Vĩnh Hội, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường Đại học Tài chính – Marketing, 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại nhà riêng...; Điện thoại di động: 0.979.425.254  
E-mail: fomis.nguyen@gmail.com; htnguyen@ufm.edu.vn; huynhthenguyen@ufm.edu.vn.
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
  - Từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 5 năm 2011: giảng viên Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan.
  - Từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012: giảng viên kiêm nhiệm Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan.
  - Từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 4 năm 2014: giảng viên kiêm nhiệm, Phó trưởng Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan.
  - Từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014: giảng viên kiêm nhiệm, Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan.

- Từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 9 năm 2017: giảng viên kiêm nhiệm, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan.

- Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 7 năm 2019: giảng viên kiêm nhiệm, Phó trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Từ tháng 8 năm 2019 đến nay: giảng viên kiêm nhiệm, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Quản lý đào tạo; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028. 38726789

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng...năm...Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) ...Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 02 tháng 5 năm 2002; số văn bằng: 300905; ngành: Kinh tế đối ngoại, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại; Nơi cấp bằng Đại học (trường, nước): Trường Đại học Ngoại thương.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 9 năm 2007; số văn bằng: 001-02/47KH2/2004; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế học; Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 21 tháng 3 năm 2018; số văn bằng: QH06201800007; ngành: Kinh tế học; chuyên ngành: Kinh tế học; Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Được cấp bằng Tiến sĩ khoa học ngày...tháng...năm...; số văn bằng...; ngành...; chuyên ngành...; Nơi cấp bằng Tiến sĩ khoa học (trường, nước): ...

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh Phó Giáo sư ngày...tháng...năm..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại Hội đồng Giáo sư cơ sở: Trường Đại học Tài chính - Marketing.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: các vấn đề về hiệu quả hoạt động và tăng trưởng doanh nghiệp.

+ Bài báo và báo cáo khoa học.

Số lượng: 16; được liệt kê theo thứ tự tại Khoản 7.1 Mục B là [12], [13], [14], [16], [18], [22], [25], [26], [28], [30], [31], [33], [34], [36], [39], [41].

- Hướng nghiên cứu thứ hai: các vấn đề về thu hút và chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

+ Bài báo và báo cáo khoa học.

Số lượng: 5; được liệt kê theo thứ tự tại Khoản 7.1 Mục B là [19], [23], [24], [27], [38].

- Hướng nghiên cứu thứ ba: các vấn đề về chính sách vĩ mô và chính sách tài chính.

+ Bài báo và báo cáo khoa học.

Số lượng: 15; được liệt kê theo thứ tự tại Khoản 7.1 Mục B là [1], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [10], [11], [17], [20], [21], [37], [40], [42].

+ Đề tài nghiên cứu khoa học:

Số lượng: 2; được liệt kê theo thứ tự [2], [5] tại Khoản 6 Mục B.

- Hướng nghiên cứu thứ tư: các vấn đề về chiến lược kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

+ Bài báo và báo cáo khoa học.

Số lượng: 6; được liệt kê theo thứ tự tại Khoản 7.1 Mục B là [2], [9], [15], [29], [32], [35].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) .... Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 Học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học (chủ nhiệm) từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (cấp Trường) và 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

- Đã công bố (số lượng) 42 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, trong đó là tác giả chính 5 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Đã được cấp (số lượng) ... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Số lượng sách đã xuất bản: ..., trong đó... thuộc nhà xuất bản có uy tín.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Bằng khen Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 2017 theo Quyết định số 281/QĐ-BTC ngày 13/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Chiến sĩ thi đua Ngành Tài chính năm 2018 theo Quyết định số 718/QĐ-BTC ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2022 theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi được Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan, Bộ Tài chính tuyển dụng làm viên chức ngạch giảng viên và được tham gia các hoạt động đào tạo, giảng dạy từ năm 2007. Đến tháng 8 năm 2017, thực hiện Quyết định 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ

tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing, Bộ Tài chính thì Tôi tiếp tục tham gia hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính – Marketing cho đến nay. Qua 16 năm là viên chức của Bộ Tài chính và tham gia hoạt động giảng dạy, Tôi nhận thấy mình luôn rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, giữ gìn và phát huy phẩm chất nhà giáo, nỗ lực phấn đấu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Về phẩm chất đạo đức: Tôi luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất đạo đức. Với tư cách là một đảng viên, Tôi có tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định với Chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng. Tôi luôn giữ gìn uy tín và phẩm chất của nhà giáo, thực hành nêu gương trong giảng dạy và chấp hành các phân công về công tác chuyên môn của đơn vị.

Về công tác giảng dạy: Tôi luôn phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy được giao, thường xuyên học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho các môn học được đơn vị giao giảng dạy, hướng dẫn. Trong quá trình giảng dạy, Tôi luôn lấy người học làm trung tâm và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người học. Trong công tác hướng dẫn học viên cao học, Tôi chú trọng phát huy năng lực nghiên cứu độc lập, sự say mê khoa học và khả năng sáng tạo của học viên.

Về công tác nghiên cứu khoa học: Tôi tích cực tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học do đơn vị giao. Hằng năm, Tôi nỗ lực nghiên cứu và thực hiện các công bố khoa học theo tiêu chuẩn của người giảng viên. Trong đó, có nhiều bài báo khoa học được tính điểm công trình khoa học theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước. Ngoài ra, Tôi cũng nỗ lực tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và xây dựng chương trình đào tạo để phục vụ cho các nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 08 năm.

- Trong đó, 06 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ như sau:

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2017-2018 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 45                                 | 0   | 45/45/81                                                                                  |
| 2               | 2018-2019 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 135                                | 0   | 135/139,5/81                                                                              |
| 3               | 2019-2020 | 0                         | 0   | 01                                 | 0                                       | 45                                 | 0   | 45/45/67,5                                                                                |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2020-2021 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 90                                 | 0   | 90/99/72,5                                                                                |
| 5               | 2021-2022 | 0                         | 0   | 02                                 | 0                                       | 180                                | 0   | 180/198/72,5                                                                              |
| 6               | 2022-2023 | 0                         | 0   | 02                                 | 0                                       | 180                                | 0   | 180/180/72,5                                                                              |



(\*) Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường Đại học cấp bằng tốt nghiệp Đại học ngoại ngữ: Đại học Đà Nẵng; số bằng: DND.6.0120946; năm cấp: 2019.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                        | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                      |                                                       |
| 1  | Lương Đông Phương             |           | HVCH          | X                     |     | 2021 – 2022                        | Trường Đại học Tài chính - Marketing | 2022                                                  |
| 2  | Nguyễn Phương Trà My          |           | HVCH          | X                     |     | 2021 – 2022                        | Trường Đại học Tài chính - Marketing | 2023                                                  |
| 3  | Nguyễn Thị Diễm Kiều          |           | HVCH          | X                     |     | 2022 – 2023                        | Trường Đại học Tài chính - Marketing | 2023                                                  |
| 4  | Ngô Văn Đông                  |           | HVCH          | X                     |     | 2022 – 2023                        | Trường Đại học Tài chính - Marketing | 2023                                                  |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|-----------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b> |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
|    |                                         |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| II | <b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>   |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
|    |                                         |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau Tiến sĩ:

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                   | CN/PCN/TK      | Mã số và cấp quản lý               | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                                                          |                |                                    |                     |                                                                 |
| 1  | Nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo tại Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan giai đoạn 2015 – 2020.                              | Chủ nhiệm      | 08/NCKH-15<br>Cấp cơ sở            | 12/2014 đến 12/2015 | Biên bản nghiệm thu 08/BBNTĐT-15 ngày 22/01/2015; Xếp loại Khá. |
| 2  | Giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam.                                                      | Đồng chủ nhiệm | Mã số 2016-26<br>Cấp Bộ            | 9/2016 đến 9/2017   | Biên bản nghiệm thu ngày 30/9/2017; Xếp loại Khá                |
| 3  | Những nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nhà ở của người di cư tại thành phố Hồ Chí Minh.                                          | Thành viên     | 03/NCKH-17<br>Cấp cơ sở            | 9/2017 đến 9/2018   | Biên bản nghiệm thu ngày 5/12/2017; Xếp loại Khá.               |
| II | <b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                                                            |                |                                    |                     |                                                                 |
| 4  | Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chương trình nông thôn mới tại các huyện ngoại thành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | Thành viên     | Mã số<br>Cấp Thành phố             | 12/2020-11/2021     | Biên bản nghiệm thu ngày 27/11/2021.<br>Xếp loại: Đạt           |
| 5  | Hoàn thiện chính sách tài chính phát triển kinh tế số ở Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030.                                          | Chủ nhiệm      | Mã số:<br>BTC/ĐT/2021-45<br>Cấp Bộ | 11/2021 đến 11/2022 | Biên bản nghiệm thu ngày 14/11/2022. Xếp loại Khá.              |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                      | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                      | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                         | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|
| I  | <i>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</i>                                                                                     |            |                  |                                                                                      |                                                   |                                            |                                        |                    |
| 1  | Ứng dụng mô hình Tân Cổ điển phân tích tác động đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế khu vực công tại thành phố Hồ Chí Minh. | 2          | X                | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868–3808                          |                                                   |                                            | Số 409,<br>Trang 29–35.                | 9/<br>2013         |
| 2  | Các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu máy tính xách tay tại thành phố Hồ Chí Minh.   | 2          |                  | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868–3808                          |                                                   |                                            | Số cuối tháng 11/2013,<br>Trang 34–41. | 11/<br>2013        |
| 3  | Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2014.                                                                               | 2          | X                | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>p-ISSN: 1859-4972<br>e-ISSN: 2734-9365<br>cũ: 0866–7120 |                                                   |                                            | Số 553,<br>Trang 6–8.                  | 9/<br>2013         |
| 4  | Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu tại thành phố Hồ Chí Minh.                                       | 2          | X                | Tạp chí Phát triển và Hội nhập<br>ISSN: 1859–428 X                                   |                                                   |                                            | Số 11(21),<br>Trang 37–41.             | 7-8/<br>2013       |
| 5  | Khả năng phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Indovina theo ma trận đánh giá yếu tố.                         | 2          | X                | Tạp chí Ngân hàng<br>ISSN: 0866–7462                                                 |                                                   |                                            | Số 7 (4/2014),<br>Trang 12–18.         | 4/<br>2014         |
| 6  | Cơ hội và thách thức cho hàng xuất khẩu của Việt Nam khi triển khai quy tắc xuất xứ theo Hiệp định TPP.                     | 2          |                  | Tạp chí Phát triển và Hội nhập<br>ISSN: 1859–428 X                                   |                                                   |                                            | Số 15(25),<br>Trang 18–21.             | 3-4/<br>2014       |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                           | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                                                                                                                | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                  | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|--------------------|
| 7  | Xác định ngành công nghiệp động lực của thành phố Hồ Chí Minh khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP. | 1          | X                | Tạp chí Phát triển và Hội nhập<br>ISSN: 1859-428 X                                                                                                                                                                                                                             |                                                   |                                            | Số 16(26),<br>Trang 64-68.      | 5-6/<br>2014       |
| 8  | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Kiên Giang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.                | 2          | X                | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868-3808                                                                                                                                                                                                                    |                                                   |                                            | Số 440,<br>Trang 39-42.         | 12/<br>2014        |
| 9  | Ứng dụng phương pháp liên kết mờ TOPSIS trong tuyển dụng nhân sự.                                                                | 2          |                  | Tạp chí Đại học Công nghiệp<br>ISSN: 1859-3712                                                                                                                                                                                                                                 |                                                   |                                            | Số 3(15),<br>Trang 41-47.       | 5-6/<br>2014       |
| 10 | Phương hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.                              | 2          |                  | Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đại thắng mùa xuân 1975 và 40 năm phát triển đất nước”,<br>Hội nghị Khoa học và Công nghệ lần thứ 14,<br>Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.<br><br>NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.<br>ISBN: 9786047333011 |                                                   |                                            | Trang 265-272,<br>tháng 4/2015. | 4/<br>2015         |
| 11 | Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.                                                         | 3          | X                | Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ (Kinh tế - Luật và Quản lý)<br>ISSN: 1859-0128                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                            | Số 18 (II),<br>Trang 79-90.     | Q2/<br>2015        |
| 12 | Đổi mới, đầu tư trực tiếp nước ngoài, năng suất và động lực tăng trưởng ngành công                                               | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                                                                                                                                                                                                                 |                                                   |                                            | Số 215(II),<br>Trang 108-115    | 5/<br>2015         |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                        | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                             | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|
|    | ngành điện tử thành phố Hồ Chí Minh.                                                                            |            |                  |                                                                                        |                                                   |                                            |                                            |                    |
| 13 | Các yếu tố tác động đến hoạt động đổi mới, cải tiến của doanh nghiệp công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh. | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                         |                                                   |                                            | Số đặc biệt, tháng 12/2015, Trang 133-140. | 12/2015            |
| 14 | Động lực nâng cao chất lượng ngành công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh.                                   | 1          | X                | Tạp chí Phát triển kinh tế<br>p-ISSN: 2615-9104<br>e-ISSN: 2515-964X<br>cũ: 1859-1124  |                                                   |                                            | Số 26(11), Trang 45-62.                    | 11/2015            |
| 15 | Giải pháp chuyển đổi nhanh SMED cho tự động hóa sinh chương trình chuẩn bị sản xuất.                            | 2          |                  | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868-3808                            |                                                   |                                            | Số 469, Trang 81-84.                       | 5/2016             |
| 16 | Các yếu tố duy trì hoạt động đổi mới, cải tiến của doanh nghiệp công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh.      | 2          |                  | Tạp chí phát triển Khoa học & Công nghệ (Kinh tế - Luật và Quản lý)<br>ISSN: 1859-0128 |                                                   |                                            | Số 19(2), Trang 67-76                      | Q2/2016            |
| 17 | Tác động của các yếu tố vĩ mô đến lạm phát tại Việt Nam.                                                        | 2          | X                | Tạp chí Khoa học – Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh<br>ISSN: 1859-3453                 |                                                   |                                            | Số 4(49), Trang 16-25                      | 2016               |
| 18 | R&D, FDI và năng suất của ngành công nghiệp điện tử TP. HCM.                                                    | 1          | X                | Tạp chí Công nghệ ngân hàng<br>ISSN: 2615-9813<br>ISSN: 1859-3682 (Số cũ)              |                                                   |                                            | Số 121, Trang 45-52                        | 4/2016             |
| 19 | Yếu tố quyết định đầu tư FDI vào ngành công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh.                               | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                         |                                                   |                                            | Số 227(II), Trang 113-120                  | 5/2016             |
| 20 | Phát triển công nghiệp điện tử trong thời kỳ                                                                    | 2          |                  | Tạp chí Nghiên cứu kinh tế                                                             |                                                   |                                            | Số 9(460),                                 | 9/                 |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                  | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                            | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
|    | đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá tại thành phố Hồ Chí Minh.                                                                  |            |                  | ISSN: 0866-7489                                                                  |                                                   |                                            | Trang 68-75.                              | 2016               |
| 21 | Các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam.                                                       | 2          |                  | Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Kế toán<br>ISSN: 1859-4093                        |                                                   |                                            | Số 12(173),<br>Trang 12-18.               | 12/<br>2017        |
| 22 | Tác động của môi trường bên ngoài đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI ngành công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh. | 1          | X                | Tạp chí Quản lý kinh tế<br>ISSN: 1859-039X                                       |                                                   |                                            | Số 80,<br>Trang 15-27.                    | 1-2/<br>2017       |
| 23 | Các yếu tố tác động đến hiệu quả thu hút vốn đầu tư vào các khu kinh tế ven biển miền Trung.                                       | 3          |                  | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                   |                                                   |                                            | Số 237(II),<br>Trang 42-49.               | 3/<br>2017         |
| 24 | Môi trường đầu tư FDI của ngành công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh.                                                         | 1          | X                | Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới<br>ISSN: 0868-2984            |                                                   |                                            | Số 3(251),<br>Trang 47-57.                | 3/<br>2017         |
| II | <b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                                                              |            |                  |                                                                                  |                                                   |                                            |                                           |                    |
| 25 | Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán của Việt Nam    | 2          | X                | Tạp chí Quản lý kinh tế<br>ISSN: 1859-039X                                       |                                                   |                                            | Số 91,<br>Trang 35-45.                    | 11-12/<br>2018     |
| 26 | The impacts of capital structure on profitability of the listed companies exporting in Vietnam.                                    | 3          |                  | Vietnam's Socio-Economic Development: a social science review<br>ISSN: 0868-359X |                                                   |                                            | Số 23,<br>Tập 3&4<br>Trang 65-78 & 22-31. | 10/<br>2018        |
| 27 | Các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn FDI ở                                                                                            | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                   |                                                   |                                            | Số 257,<br>Trang 2-10.                    | 11/<br>2018        |



| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                                                       | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                            | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                                                       | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|
|    | vùng kinh tế trọng điểm phía Nam                                                                                                                                                             |            |                  |                                                                                                            |                                                   |                                            |                                                                      |                    |
| 28 | Các yếu tố ảnh hưởng đến gánh nặng bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.                                                                                             | 3          | X                | Tạp chí Khoa học – Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh<br>ISSN: 1859-3453                                     |                                                   |                                            | Số 14(2),<br>Trang 61–71.                                            | 2019               |
| 29 | The effect of brand equity components on automobile purchase intention of consumers in Ho Chi Minh City, Vietnam.                                                                            | 4          |                  | Journal of Asian Finance, Economics and Business<br>ISSN: 2288–4645<br>p-ISSN: 2288–4637                   | SCOPUS Q4 năm 2019                                |                                            | Số 6, Tập 2, Trang 135–145.<br>DOI: 10.13106/jafeb.2019.vol6.no2.135 | 5/<br>2019         |
| 30 | Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.                                                                                                   | 1          | X                | Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á<br>p-ISSN: 2615-9104<br>e-ISSN: 2515-964X<br>cũ: 1859-1124 |                                                   |                                            | Số 30(7),<br>Trang 43–65.                                            | 7/<br>2019         |
| 31 | Hoạt động đổi mới, cải tiến trong các doanh nghiệp công nghiệp điện tử thành phố Hồ Chí Minh.                                                                                                | 1          | X                | Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ (Kinh tế - Luật và Quản lý)<br>ISSN: 2588-1051                    |                                                   |                                            | Số 3(3),<br>Trang 299–310.                                           | 9/<br>2019         |
| 32 | The relationship between task-oriented leadership style, psychological capital, job satisfaction and organizational commitment: evidence from Vietnamese small and medium-sized enterprises. | 2          | X                | Journal of Advances in Management Research<br>ISSN: 0972-7981                                              | SCOPUS Q2                                         |                                            | Số 17, Tập 4, Trang 583–604.<br>DOI: 10.1108/JAMR-03-2020-0036       | 8/<br>2020         |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                       | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                         | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                                                    | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 33 | Quản trị kinh tế và năng suất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.                                                    | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                                                                          |                                                   |                                            | Số 274, Trang 83-92.                                              | 4/ 2020            |
| 34 | Phát triển tài chính và tăng trưởng doanh nghiệp: trường hợp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.                               | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                                                                          |                                                   |                                            | Số 293, Trang 98-106.                                             | 11/ 2021           |
| 35 | Digital entrepreneurial intention in Vietnam: from a systematic literature review to build a conceptual research model.      | 3          |                  | Bài tham luận công bố trong Hội thảo khoa học Quốc tế “Business based on Digital platform (BDP-2)”. NXB Tài chính<br>ISBN 9786047933532 |                                                   |                                            | Trang 280-303.                                                    | 2022               |
| 36 | Determinants of the performance of small and medium-sized enterprises in emerging markets.                                   | 1          | X                | International Journal of Productivity and Performance Management<br>ISSN: 1741-0401                                                     | SCOPUS Q1                                         |                                            | Số 71, Tập 8, Trang 3160-3178.<br>DOI: 10.1108/IJPPM-08-2020-0440 | 10/ 2022           |
| 37 | Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng chính sách tài chính cho phát triển kinh tế số.                                              | 2          | X                | Tạp chí Tài chính<br>ISSN: 2615-8973                                                                                                    |                                                   |                                            | Số 786, Tập 1, Trang 103-105.                                     | 10/ 2022           |
| 38 | Dynamic spatial effects of determinants of foreign direct investment: A case of the southern key economic region of Vietnam. | 1          | X                | Australian Economic Papers<br>ISSN:1467-8454                                                                                            | SSCI (ISI)<br>IF: 1,452                           |                                            | Số 61, Tập 3, Trang 436-454.<br>DOI: 10.1111/1467-8454.12254      | 9/ 2022            |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                        | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                               | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                                                     | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 39 | Spatial effects of institutional quality on firm performance: evidence from Vietnam.                                                          | 1          | X                | Asian-Pacific Economic Literature<br>ISSN: 1467-8411                                                          | SSCI (ISI)<br>IF: 0,600                           |                                            | Số 36, Tập 2, Trang 89–105.<br>DOI: 10.1111/apel.12362             | 10/ 2022           |
| 40 | Impacts of human capital, the fourth industrial revolution, and institutional quality on unemployment: an empirical study at Asian countries. | 3          |                  | Journal of Eastern European and Central Asian Research<br>ISSN: 2328-8272 (print)<br>ISSN: 2328-8280 (online) | SCOPUS Q3                                         |                                            | Số 10, Tập 2, Trang 238–250.<br>DOI: 10.15549/jeeecar.v10i2.1010   | 3/ 2023            |
| 41 | Economic agglomeration and technical efficiency of small and medium-sized enterprises: evidence from Vietnam.                                 | 1          | X                | Journal of the Asia Pacific Economy<br>ISSN: 1354-7860 (print)<br>ISSN: 1469-9648 (online)                    | SSCI (ISI)<br>IF: 1,325                           |                                            | Số 28, Tập 2, Trang 716–737.<br>DOI: 10.1080/13547860.2021.1902600 | 5/ 2023            |
| 42 | Tác động ngưỡng của nợ công đến tăng trưởng ở các nước ASEAN.                                                                                 | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                                                                |                                                   |                                            | Số 311, Trang 44–52.                                               | 5/ 2023            |

- Ghi chú: X là tác giả chính.

- Trong đó: Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ là 5 bài theo số thứ tự [32], [36], [38], [39], [41]. Ngoài ra, 5 công trình khoa học tiêu biểu gắn liền với các hướng nghiên cứu của ứng viên sau Tiến sĩ bao gồm: hướng nghiên cứu thứ nhất [30], [36]; hướng nghiên cứu thứ hai [38]; hướng nghiên cứu thứ ba [42]; hướng nghiên cứu thứ tư [32].

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
|    |                                                |                 |                    |                             |            |

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
|    |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                      | Vai trò U/V (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng   | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế                                                             | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học.                                                  | Tham gia                        | 1102/QĐ-ĐHTCM, 23/6/2020                     | Trường Đại học Tài chính - Marketing | 532/QĐ-ĐHTCM, ngày 22/3/2021                                                                |         |
| 2  | Xây dựng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ                                                   | Tham gia                        | 2494/QĐ-ĐHTCM, 31/12/2021                    | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Quyết định ban hành số 893/QĐ-ĐHTCM, ngày 30/3/2022                                         |         |
| 3  | Rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ.                                       | Tham gia                        | 1126/QĐ-ĐHTCM, 28/5/2021                     | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Quyết định ban hành số 2444/QĐ-ĐHTCM, 29/12/2021                                            |         |
| 4  | Chiến lược phát triển trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. | Tham gia                        | Quyết định số 1751/QĐ-ĐHTCM ngày 12/10/2021  | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Quyết định số 2097/QĐ-ĐHTCM ngày 11/8/2022<br>Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 17/10/2022 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

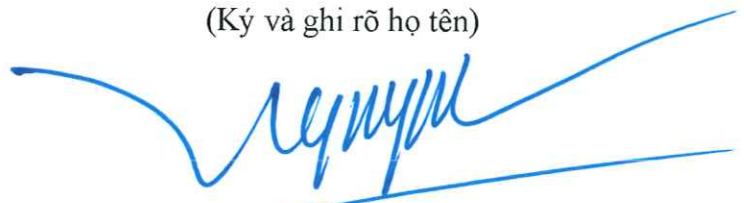
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Huỳnh Thế Nguyễn